

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/DS-ST
Ngày 17-8-2018
V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự về vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vân;

2. Ông Hoàng Đình Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Là Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên
tòa:** Ông Lê Xuân Hồng Vinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2018/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H (Hằng); Sinh năm 1964; “có mặt”

Địa chỉ: Đường C, Khu phố H, phường H1, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn:

Chị Phan Thị Ánh N; Sinh năm 1972; “có mặt”

Địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Anh Trần Văn B; Sinh năm 1963; “có mặt”

Địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31-5-2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Vào khoảng cuối năm 2017, chị có cho chị Phan Thị Ánh N vay số tiền 50.000.000 đồng, khi vay hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau, không lập thành văn bản. Theo thỏa thuận thì chị N vay của chị số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất là 2.000.000 đồng (4%/tháng). Về mục đích vay, chị N nói là để làm ăn buôn bán dịp tết. Hết thời hạn 01 tháng, nhưng chị N không trả nợ cho chị theo thỏa thuận mà cố tình trốn tránh. Mãi đến ngày 09/3/2018, chị mới gặp được chị N và yêu cầu chị N viết giấy nợ với nội dung: Chị N có mượn của chị số tiền 52.000.000 đồng và chị N cam kết trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày 09-3-2018 sẽ hoàn trả cho chị. Chị xác nhận trong số tiền 52.000.000 đồng mà chị N nợ chị có 50.000.000 đồng là tiền nợ gốc và 2.000.000 đồng là tiền lãi. Theo giấy nợ chị N cam kết đến ngày 09/4/2018, sẽ trả cả nợ gốc và lãi cho chị nhưng cho đến nay chị N không trả. Nay chị yêu cầu Tòa giải quyết buộc chị N, anh B liên đới trả số tiền 52.000.000 đồng và không đồng ý việc chị N và anh B đề nghị trả dần hàng tháng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18 tháng 6 năm 2018, các biên bản hòa giải ngày 19 tháng 6 và ngày 10 tháng 7 năm 2018, chị Phan Thị Ánh N khai:

Vào khoảng tháng 3 hoặc tháng 4 năm 2017, chị có vay của chị Nguyễn Thị H tổng số tiền 60.000.000 đồng. Theo thỏa thuận thì chị phải trả tiền lãi và gốc cho chị H theo hình thức trả góp theo ngày. Mỗi ngày, chị phải trả cho chị H 1.200.000 đồng (Trong đó: 1.000.000 đồng là tiền nợ gốc và 200.000 đồng là tiền lãi), trả trong vòng 60 ngày tương đương với số tiền 72.000.000 đồng (trong đó nợ gốc là 60.000.000 đồng và tiền lãi là 12.000.000 đồng) thì coi như hết nợ. Tuy nhiên để chị có vốn tiếp tục buôn bán thì chị và chị H thỏa thuận, khi chị trả góp được 40 ngày (Tương đương với số tiền 48.000.000 đồng, trong đó 40.000.000 đồng tiền gốc và 8.000.000 đồng tiền lãi) thì chị H sẽ cho chị vay tiếp số tiền 36.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận vay trả theo hình thức đó cho đến ngày 09/3/2018 thì chốt nợ lại. Tính đến ngày 09/3/2018, thì chị còn nợ chị H số tiền cả gốc và lãi là 52.000.000 đồng, trong đó 50.000.000 đồng là tiền nợ gốc và 2.000.000 đồng là tiền lãi. Việc vay mượn tiền và trả góp hàng ngày, chị H có ghi trong một quyển sổ do chị H giữ, về phía chị không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh.

Nay chị thừa nhận “Giấy nợ” ngày 09-3-2018 do chị H giao nộp cho Tòa án là do chị viết và ký tên và chị còn nợ chị H số tiền 52.000.000 đồng. Chị đồng ý trả nợ theo yêu cầu của chị H. Tuy nhiên, hiện gia đình chị đang gặp khó khăn về kinh tế nên không có khả năng trả số tiền trên một lần cho chị H. Chị

yêu cầu Tòa xem xét giải quyết cho chị trả theo hình thức trả định kỳ hàng tháng là 2.000.000 đồng/tháng.

Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải ngày 10-7-2018, anh Trần Văn B trình bày: Anh làm nghề tài xế xe Buýt, còn vợ anh là chị N thì buôn bán hàng miễn thuế ở siêu thị Mộc Bài. Việc làm ăn của chị N, anh ít khi quan tâm nên không biết việc chị N vay tiền của chị H. Cho đến khi việc làm ăn của chị N gặp khó khăn, không có khả năng trả nợ nên chị H đến gặp anh yêu cầu trả nợ thì anh mới biết. Nay anh thừa nhận việc chị N vay tiền chị H mục đích cũng là để làm ăn, kinh doanh phục vụ nhu cầu sinh hoạt của gia đình nên anh đồng ý cùng chị N trả nợ cho chị H. Tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn nên yêu cầu Tòa xem xét cho vợ chồng anh được trả theo hình thức trả định kỳ hàng tháng 2.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị Tòa án buộc chị N, anh B trả số tiền 52.000.000 đồng.

Bị đơn thừa nhận có nợ chị H số tiền 52.000.000 đồng nhưng đề nghị cho trả theo hình thức trả định kỳ hàng tháng với số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ.

Đại diện VKSND huyện Châu Thành phát biểu: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm giải quyết vụ án thấy rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, buộc bà Phan Thị Ánh N và ông Trần Văn B có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 52.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện: Trong năm 2017, chị Phan Thị Ánh N có thỏa thuận giao kết hợp đồng vay tài sản với chị Nguyễn Thị H. Việc giao kết hợp đồng, các bên chỉ thỏa thuận bằng

miệng mà không lập thành văn bản. Đến ngày 09-3-2018, sau khi chốt số tiền thì xác định chị N còn nợ chị H số tiền 52.000.000 đồng, trong đó 50.000.000 đồng là tiền nợ gốc và 2.000.000 đồng là tiền lãi. Để làm tin, chị N viết “*Giấy nợ*” có nội dung: Chị N vay chị H số tiền 52.000.000 đồng và cam kết sẽ trả cho chị H trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày 09-3-2018. Giấy nợ do chị H giữ.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H giữ nguyên yêu cầu về việc đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị N, anh B liên đới trả số tiền 52.000.000 đồng. Chị N thừa nhận có nợ chị H số tiền 52.000.000 đồng và đồng ý trả nhưng xin trả dần hàng tháng. Đối với anh Trần Văn B cho rằng việc chị N vay tiền chị H, anh không biết, nhưng chị N vay tiền là để làm ăn buôn bán nhằm đáp ứng các nhu cầu thiết yếu trong gia đình, nên anh cũng đồng ý cùng chị N trả nợ cho chị H, nhưng do hoàn cảnh kinh tế đang gặp khó khăn nên xin được trả dần hàng tháng. Căn cứ Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án xác định số tiền nợ 52.000.000 đồng là nợ chung của vợ chồng chị N và anh B, nên chị N và anh B phải có trách nhiệm liên đới trả cho chị H.

[3] Xét yêu cầu của chị N và anh B về việc trả nợ dần thấy rằng: Theo thỏa thuận thì chị N có nghĩa vụ phải trả đủ số tiền 52.000.000 đồng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày 09-3-2018 cho chị H, nhưng chị N đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Tại phiên tòa hôm nay, chị H không đồng ý cho chị N, anh B trả dần mà yêu cầu phải trả một lần số tiền 52.000.000 đồng. Do đó đề nghị của chị N và anh B về việc trả dần theo hình thức trả định kỳ hàng tháng với số tiền 2.000.000 đồng/tháng là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Chị N cho rằng trong năm 2017, chị vay và trả tiền theo hình thức trả góp cả gốc và lãi theo ngày cho chị H nhiều lần. Ban đầu chị N vay chị H 60.000.000 đồng, mỗi ngày chị phải trả góp cho chị H 1.200.000 đồng, trả góp trong vòng 60 ngày, tương đương với số tiền 72.000.000 đồng. Tuy nhiên chị N không nhớ đã trả cho chị H tổng cộng bao nhiêu tiền lãi, về phía chị H không thừa nhận, nhưng chị N không cung cấp được chứng cứ chứng minh và cũng không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những nhận định nêu trên, Tòa án xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H, buộc chị N và anh B có nghĩa vụ liên đới trả cho chị H số tiền 52.000.000 đồng.

[6] Về án phí: Chị Phan Thị Ánh N và anh Trần Văn B phải liên đới chịu 2.600.000 đồng án phí sơ thẩm dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Buộc chị Phan Thị Ánh N và anh Trần Văn B có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền 52.000.000 đồng (Năm mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

Chị Phan Thị Ánh N và anh Trần Văn B phải liên đới chịu 2.600.000 đồng (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0019236 ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Phương